TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 142/2022/HC-PT Ngày 27 - 05 - 2022 V/v: *"Khiếu kiện QĐHC, HVHC trong lĩnh vực đất đai"*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường

Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Phạm Tấn Ánh, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 35/2022/TLPT-HC ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 102/2021/HC- ST ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1524/2022/QĐPT-HC ngày 21 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1524/2022/QĐ-PT ngày 17-5-2022 giữa các đương sự:

1- Người khởi kiện: Ông Lê Viết C, sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ 35, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1977; địa chỉ: 127 Đường L, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

2- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Minh L1, Phó Chủ tịch, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Thế P – Nhân viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

3 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị B, sinh năm 1951; địa chỉ: Số 01 đường L2, phường T2, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

3.2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1956; địa chỉ: Số 85B đường TP, phường V, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa.

3.3. Ông Lê Viết Đ, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 21 đường T4, phường T2, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

3.4. Bà Lê Thị H2, sinh năm 1961; địa chỉ: thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định.

3.5. Ông Lê Viết Ph, sinh năm 1963.

3.6. Bà Lê Thị H3, sinh năm 1966.

3.7. Bà Lê Thị H4, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Khối phố X, phường C1, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B, bà H, ông Đ, bà H2, ông Ph, bà H3, bà H4: Bà Nguyễn Thị Hồng T1; địa chỉ: 127 Đường L, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

4. Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Nội dung vụ án theo trình bày của các đương sự:

- Theo đơn khởi kiện, các văn bản có tại hồ sơ vụ án, người khởi kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có chung nội dung trình bày:

Cha ông Lê Viết C là ông Lê Viết Tr1 (sinh năm 1919, chết năm 2006), mẹ là bà Lưu Thị T3 (sinh năm 1928, chết năm 2013) có tạo dựng được tài sản là nhà, đất thuộc thửa đất số 146, tờ bản đồ số 02, diện tích 458 m^2, loại đất ở + đất vườn, thời hạn sử dụng lâu dài. Nhà, đất trên tọa lạc tại khối phố X, phường C1, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Thực hiện theo Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ, ông Tr1 đã đăng ký, kê khai toàn bộ diện tích đất nêu trên là thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01, diện tích 580 m^2, loại đất T. Theo Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, ông Tr1 đăng ký, kê khai toàn bộ thửa đất nêu trên là thửa đất số 146, tờ bản đồ số 02, diện tích 458m^2, loại đất T và đã được Ủy ban nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/8/1999. Sau khi cha, mẹ chết, toàn bộ nhà, đất nêu trên được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H xác nhận thừa kế cho Lê Thị

B, Lê Viết C, Lê Thị H, Lê Viết Đ, Lê Thị H2, Lê Viết Ph, Lê Thị H3, Lê Thị H4 vào ngày 24/12/2019. Đầu năm 2020, ông Lê Viết C có làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố H công nhận thửa đất số 146, tờ bản đồ số 02, diện tích 458m^2 tại khối phố X, phường C1, thành phố H, tỉnh Quảng Nam là đất ở cho gia đình ông C.

Sau khi nhận đơn, Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Công văn số 822/UBND ngày 24/3/2020 về việc thông tin cho công dân; theo nội dung công văn thì Sổ mục kê và bản đồ được lập theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ không phải là các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ. Thẩm quyền xác định lại diện tích đất ở thuộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố H không giải quyết đơn của ông mà hướng dẫn ông gửi đơn đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam để được xem xét, giải quyết theo thẩm quyền. Trước đây người khởi kiện yêu cầu UBND thành phố H công nhận diện tích đất ở tại thửa 146, tờ bản đồ số 02 với diện tích 458m^2, tuy nhiên, qua đo đạc hiện trạng sử dụng thì diện tích thực tế của thửa đất là 426,3m^2 nên ông C yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích đất ở tại thửa đất nêu trên theo thực tế. Người khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

- Hủy Phiếu từ chối nhận hồ sơ số 02/TTHCC ngày 28/5/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố H (Trung tâm hành chính công);

- Hủy Công văn số 822/UBND ngày 24/03/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc thông tin cho công dân;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H tiếp nhận hồ sơ công nhận đất ở của ông Lê Viết C (đại diện cho hộ ông Lê Viết Tr1) và công nhận đất ở đối với thửa đất số 146, tờ bản đồ số 02, diện tích 426,3m^2 tại khối phố X, phường C1, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho các đồng thừa kế của ông Lê Viết Tr1, bà Lưu Thị T3 (đều đã chết) theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại Văn bản số 3072/UBND ngày 20/10/2021 của Uỷ ban nhân dân thành phố H và lời trình bày của người đại diện hợp pháp, có nội dung sau:

Thửa đất ông Lê Viết C đang khởi kiện có nguồn gốc được thể hiện qua các thời kỳ quản lý đất đai như sau: Theo hồ sơ Chỉ thị số 299/TTg của Thủ tướng là thửa đất số 73, tờ bản đồ số 1, xã C1 (cũ), diện tích 580m^2, loại đất có ký hiệu T, do ông Lê Viết Tr1 (cha ông C) đứng tên kê khai, đăng ký. Theo hồ sơ Nghị định số 64/CP của Chính phủ là thửa đất số 146, tờ bản đồ số 2 xã C1, diện tích 458m^2, loại đất có ký hiệu T, do ông Lê Viết Tr1 đứng tên kê khai, đăng ký.

Theo hồ sơ đo mới VN.2000 tại phường C1 là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 6, diện tích 595m^2, gồm 200m^2, loại đất ở và vườn, do ông Lê Viết Tr1 đứng tên, kê khai đăng ký.

Về trình tự, thủ tục xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận được quy định cụ thể tại Khoản 47, Điều 2 của Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai:

"Trình tự, thủ tục xác định lại diện tích đất ở theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thực hiện như sau:

1. Người sử dụng đất nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị xác định lại diện tích đất ở tại nơi nộp hồ sơ quy định tại Điều 60 của Nghị định này.

2. Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ khi cấp Giấy chứng nhận trước đây, nếu đủ điều kiện xác định lại diện tích đất ở theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Nghị định này thì trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 37 của Nghị định này để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, cập nhật, chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người sử dụng đất hoặc gửi Ủy ban nhân dân cấp xã để trao đối với trường hợp nộp hồ sơ tại cấp xã."

Về hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận được quy định cụ thể tại Khoản 6, Điều 7 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai:

"13. Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận bao gồm:

a) Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo Mẫu số 09/ĐK:

b) Bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp"

Căn cứ các quy định trên cho thấy việc xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận thuộc thẩm quyền của Sở Tài

nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam, không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố H.

Mặt khác, đối với hồ sơ đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg tại thành phố H chỉ là Sổ mục kê và bản đồ lập năm 1985, không có Sổ đăng ký ruộng đất nên không phải là các loại giấy tờ được lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 để làm căn cứ xác định diện tích đất ở đối với trường hợp có vườn, ao theo quy định tại khoản 2, Điều 103 Luật Đất đai năm 2013.

Từ những cơ sở trên, UBND thành phố H nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông Lê Viết C về việc: "*Yêu cầu hủy Phiếu từ chối nhận hồ sơ số 02/TTHCC ngày 28/5/2021 của UBND thành phố H; Hủy Công văn số 822/UBND ngày 24/3/2020 của UBND thành phố H về việc thông tin cho công dân; Buộc UBND thành phố H tiếp nhận hồ sơ công nhận đất ở của ông Lê Viết C và công nhận đất ở đối với thửa đất số 146, tờ bản đồ số 2, diện tích 458m^2 tại khối X, phường C1 theo đúng quy định của pháp luật*" là không có cơ sở để xem xét giải quyết. Công văn số 822/UBND ngày 24/3/2020 của UBND thành phố H về việc thông tin cho công dân là đảm bảo quy định.

[2] Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 102/2021/HC- ST ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính 2015;

Căn cứ Điều 18, Điều 24 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 1, khoản 47 Điều 1 Nghị định 01/2017/NĐ-CP; Điều 11, Điều 100, Điều 103 Luật đất đai 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Viết C:

- Hủy Phiếu từ chối nhận hồ sơ số 02/TTHCC ngày 28/5/2021 của Trung tâm hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân thành phố H;

- Hủy Công văn số 822/UBND ngày 24/03/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc thông tin cho công dân;

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H tiếp nhận hồ sơ công nhận đất ở của ông Lê Viết C (đại diện cho hộ ông Lê Viết Tr1) và công nhận đất ở đối với thửa đất số 146, tờ bản đồ số 02, diện tích 426,3m^2 tại khối phố X, phường C1, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho các đồng thừa kế của ông Lê Viết Tr1, bà Lưu Thị T3 (đều đã chết) theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

[3] Kháng cáo:

Ngày 24-01-2022 Ủy ban nhân dân thành phố H kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị "*hủy bản án sơ thẩm và bác đơn khởi kiện của ông Lê Viết C*". Lý do kháng cáo là theo khoản 2 Điều 17 của Thông tư 23/2014/TT-BTNMT quy định các trường hợp đăng ký biến động được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Không được xác nhận vào Giấy CNQSD đất đã cấp). Như vậy việc xác định lại diện tích đất ở thuộc trường hợp phải cấp lại Giấy chứng nhận QSD mới, nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố H. Mặt khác, tại thành phố H khi thực hiện hồ sơ đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg chỉ là Sổ mục kê ruộng đất, không phải là các loại giấy tờ được lập trước ngày 15-10-1993 để làm căn cứ xác định diện tích đất ở theo khoản 2 Điều 103 Luật Đất đai 2013.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên đơn kháng cáo; có ý kiến rằng người khởi kiện chỉ có đăng ký vào Sổ mục kê ruộng đất, nên không thuộc các loại giấy tờ, tài liệu theo khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai. Trung tâm hành chính công H không có chức năng nhận hồ sơ do Quyết định của UBND tỉnh không quy định. Trường hợp của ông C là phải cấp đổi lại Giấy chứng nhận, thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên phần quyết định hủy Phiếu từ chối nhận hồ sơ số 02/TTHCC ngày 28/5/2021 của Trung tâm hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân thành phố H; hủy Công văn số 822/UBND ngày 24/03/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc thông tin cho công dân. Chấp nhận một phần kháng cáo, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm về nội dung buộc Ủy ban nhân dân thành phố H công nhận đất ở đối với thửa đất số 146, tờ bản đồ số 02, diện tích 426,3m^2 tại khối phố X, phường C1, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho các đồng thừa kế của ông Lê Viết Tr1, bà Lưu Thị T3 vì chưa đủ điều kiện về thủ tục, hồ sơ để buộc công nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về yêu cầu khởi kiện:

Ngày 26-6-2021, ông Lê Viết C khởi kiện tại Toà án yêu cầu hủy Phiếu từ chối nhận hồ sơ số 02/TTHCC ngày 28/5/2021 của Trung tâm hành chính công thuộc UBND thành phố H, hủy Công văn số 822/UBND ngày 24/3/2020 của UBND thành phố H về việc thông tin cho công dân, buộc UBND thành phố H tiếp nhận hồ sơ công nhận đất ở của ông Lê Viết C và công nhận đất ở đối với thửa đất số 146, tờ bản đồ số 2, diện tích 426,3m^2 tại khối X, phường C1.

[2] Xem xét Phiếu từ chối nhận hồ sơ xác định lại diện tích đất ở số 02/TTHCC ngày 28/5/2021 của Trung tâm hành chính công và Công văn số 822/UBND ngày 24/03/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc thông tin cho công dân:

Công văn số 822/UBND ngày 24/3/2020 v/v thông tin cho công dân và Phiếu từ chối nhận hồ sơ số 02/TTHCC ngày 28/5/2021 của Trung tâm hành chính công thuộc UBND thành phố H đều khẳng định việc xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố H.

Theo quy định tại khoản 47 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính Phủ đã bổ sung Điều 72a của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 quy định về trình tự, thủ tục xác định lại diện tích đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận: "*1. Người sử dụng đất nộp một bộ hồ sơ đề nghị xác định lại diện tích đất ở tại nơi nộp hồ sơ quy định tại Điều 60 của Nghị định này".*

Tại khoản 2 Điều 59 của Luật Đất đai quy định UBND cấp huyện quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân.

Trường hợp của ông C là yêu cầu xác định lại diện tích đất ở, Hồ sơ theo mẫu số 09/ĐK là Đơn đăng ký biến động đất đai, mục đích của người sử dụng đất là chuyển từ đất trồng cây lâu năm cùng thửa đất vườn, ao thành đất ở. Tại khoản 3 Điều 60 của Nghị định 43 quy định rõ "*Địa phương đã tổ chức bộ phận một cửa để thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của Chính Phủ thì các Cơ quan quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thông qua bộ phận một cửa theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*".

Như vậy, toàn bộ các thủ tục nộp hồ sơ tại các Cơ quan Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai đều được thực hiện tiếp nhận thông qua bộ phận một cửa. Khi đã tiếp nhận hồ sơ của công dân thì các Cơ quan chức năng mới tiếp tục kiểm tra, xem xét, thực hiện các nhiệm vụ theo thẩm quyền. Trường hợp của ông Lê Viết C, bộ phận một cửa của Trung tâm hành chính công H tiếp nhận hồ sơ là hợp lý.

Tại Công văn số 5417/UBND-KTN ngày 19/8/2021 của UBND tỉnh Quảng Nam đã xác định rõ: "*Đối với Giấy chứng nhận đã cấp trước 01/7/2014 cho hộ gia đình, cá nhân nay người sử dụng đất có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở trong trường hợp thửa đất ở có vườn, ao trong cùng thửa đất ở có nhà ở, đề nghị UBND cấp huyện xem xét thực hiện việc xác nhận diện tích đất ở vào Giấy chứng nhận đã được cấp đảm bảo theo quy định tại Điều 103 Luật Đất đai 2013 và Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất*."

Như vậy, thủ tục xác định lại diện tích đất ở được thực hiện bởi nhiều Cơ quan chuyên môn có thẩm quyền, trong đó có các Cơ quan chuyên môn, bộ phận chuyên trách của UBND thành phố H. Trong nội dung này, ông C chỉ khởi kiện đối với Trung tâm hành chính công của thành phố H về việc tiếp nhận hồ sơ ban đầu, nhưng Trung tâm hành chính công và UBND thành phố H cho rằng không thuộc thẩm quyền của mình là ảnh hưởng quyền hợp pháp của người sử dụng đất.

Do đó, UBND thành phố H thông tin và từ chối tiếp nhận hồ sơ của người sử dụng đất có nhu cầu xác định lại đất ở vì cho rằng không thuộc thẩm quyền là không có căn cứ pháp luật. Các yêu cầu khởi kiện huỷ Phiếu từ chối nhận hồ sơ số 02/TTHCC ngày 28/5/2021 và hủy Công văn số 822/UBND ngày 24/03/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố H là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên phần nội dung này của bản án sơ thẩm.

[3] Xét yêu cầu buộc UBND thành phố H tiếp nhận hồ sơ công nhận đất ở của ông Lê Viết C và công nhận đất ở đối với thửa đất số 146, tờ bản đồ số 2, diện tích 426,3m^2 tại khối X, phường C1.

Về nguồn gốc, quá trình kê khai đăng ký qua các thời kỳ của thửa đất số 146, tờ bản đồ số 02, diện tích 426,3m^2 tại khối phố X, phường C1, thành phố H, tỉnh Quảng Nam như sau:

Theo hồ sơ Chỉ thị số 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ là thửa đất số 73, tờ bản đồ số 1, xã C1 (cũ), diện tích 580m^2, loại đất có ký hiệu T, do ông Lê Viết Tr1 (cha ông C) đứng tên kê khai, đăng ký. Theo hồ sơ Nghị định số 64/CP của Chính phủ là thửa đất số 146, tờ bản đồ số 2 xã C1, diện tích 458m^2, loại đất có ký hiệu T, do ông Lê Viết Tr1 đứng tên kê khai, đăng ký. Theo hồ sơ đo mới VN.2000 tại phường C1 là thửa đất số 24, tờ bản đồ số 6, diện tích 595m^2, gồm 200m^2, loại đất ở và 395m^2 đất vườn, do ông Lê Viết Tr1 đứng tên, kê khai đăng ký.

Ngày 24/12/2019, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H đã xác nhận thừa kế thửa đất số 146, tờ bản đồ số 02 cho bà Lê Thị B, Lê Viết C, Lê Thị H, Lê Viết Đ, Lê Thị H2, Lê Viết Ph, Lê Thị H3, Lê Thị H4, diện tích đo đạc lại là 426,3m^2.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 103 Luật đất đai 2013 thì: *"Đối với*

trường hợp thửa đất ở có vườn, ao được hình thành trước ngày 18/12/1980 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 100 Luật đất đai thì diện tích đất ở được xác định theo giấy tờ đó".

UBND thành phố H xác nhận thửa đất số 146, tờ bản đồ số 02 được ông Lê Viết Tr1 và bà Lưu Thị T3 sử dụng trước ngày 18/12/1980, có kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg là thửa đất số 13, tờ bản đồ số 01, diện tích 580 m^2, loại đất T, do ông Lê Viết Tr1 kê khai, đăng ký. UBND thành phố H cho rằng hộ "***Sổ mục kê và bản đồ lập năm 1985***" không phải là các loại giấy tờ được lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 để làm căn cứ xác định diện tích đất ở đối với trường hợp có vườn, ao theo quy định tại khoản 2, Điều 103 Luật Đất đai năm 2013; trong khi đó Chính quyền địa phương tại thành phố H không lập Sổ đăng ký ruộng đất hay Sổ địa chính trong khoản thời gian này, mà lập Sổ mục kê ruộng đất năm 1985. Toàn bộ việc kê khai đăng ký đất đai theo Quyết định 201-CP ngày 01-7-1980 của Hội đồng Chính Phủ hay theo Chỉ thị 299/TTg đều được ghi nhận vào Sổ mục kê ruộng đất. Đây không phải là lỗi của người sử dụng đất vì họ đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ kê khai của người sử dụng đất trước ngày 15-10-1993. Do đó, khi xem xét xác định lại diện tích đất ở cần phải xem xét đến thực tế thời điểm, quá trình sử dụng đất của hộ ông Lê Viết C có trước ngày 18/12/1980 hay không, tình trạng sử dụng đất, để xác định loại đất cho ông theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện cung cấp "*Giấy xác nhận nguồn gốc đất và nhà ở"* của UBND phường C1, đã xác nhận thửa đất và nhà ở của gia đình ông Lê Viết Tr1 tồn tại trước năm 1975. Đây cũng là một trong những căn cứ để xem xét khi xác định lại diện tích đất ở.

UBND thành phố H trong phạm vi thẩm quyền, thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và xem xét xác định lại diện tích đất ở cho người sử dụng đất tại địa phương (Thông qua các Cơ quan chuyên môn, có chức năng). Tuy nhiên, Hồ sơ sau khi đã được thực hiện qua các thủ tục, quy trình đầy đủ của các Cơ quan chuyên môn có chức năng theo quy định của pháp luật thì mới được xem xét xác định lại diện tích đất ở. Nay Hồ sơ mới chỉ có Đơn đăng ký theo mẫu 09/ĐK và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa được tiếp nhận, mà theo mẫu đơn 09/ĐK thì có nhiều mục xác nhận của các Cơ quan chức năng.Việc công nhận đất ở phải được hoàn chỉnh hồ sơ và qua các thủ tục kiểm tra của các Cơ quan chuyên môn có thẩm quyền. Do đó, trường hợp này chưa đủ điều kiện thủ tục hồ sơ để buộc công nhận đất ở. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần quyết định "*buộc công*

nhận đất ở" cho phù hợp với trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

[6] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo khoản 2 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên, trường hợp này án phí sơ thẩm được giữ nguyên như quyết định của Bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam, sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 102/2021/HC- ST ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính 2015;

Căn cứ Điều 18, Điều 24, Điều 60 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014; khoản 47 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06-01-2017 của Chính Phủ; Điều 11, Điều 100, Điều 103 Luật Đất đai 2013.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Viết C:

- Hủy Phiếu từ chối nhận hồ sơ số 02/TTHCC ngày 28-5-2021 của Trung tâm hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân thành phố H.
- Hủy Công văn số 822/UBND ngày 24-03-2020 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc thông tin cho công dân.
- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H xem xét, giải quyết Hồ sơ đăng ký biến động đất đai để xác định lại diện tích đất ở đối với thửa đất số 146, tờ bản đồ số 02, diện tích 426,3m^2 tại khối phố X, phường C1, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho các đồng thừa kế của ông Lê Viết Tr1, bà Lưu Thị T3 (đều đã chết) theo đúng quy định của pháp luật.

3. Các quyết định khác còn lại của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí phúc thẩm: UBND thành phố H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, được hoàn trả lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000088 ngày 11-02-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT III-TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKS ND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA DS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long